

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 831/2026/DS-PT

Ngày: 27/7/2026

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản và
công nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:**
Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 3, ngày 20 và 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và công nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2025/DS-ST, ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông La Hoàng G, sinh năm 1950. Địa chỉ: D, khu V, phường B, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông La Hoàng T, sinh năm 1966. Địa chỉ: D, khu V, phường B, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1990. Địa chỉ Số A, đường C, phường B, thành phố Cần Thơ.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà La Thị Nguyệt H chết 2007.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H:

- Huỳnh Trung S, sinh năm 1957. (Vắng mặt).

- Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1966. (Có mặt).

- Huỳnh Thị Phương T2, sinh năm 1971. (Có mặt).

- Huỳnh Phương L2, sinh năm 1976. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số D, đường L, phường N, thành phố Cần Thơ.

2. Bà La Thị Nguyệt L1, sinh năm 1939. Địa chỉ: 2 N, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

4. Bà La Thị Nguyệt M, sinh năm 1944. Địa chỉ: D L, phường N, thành phố Cần Thơ. Chết ngày 28/5/2026.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M:

- Bà Trịnh Thị Linh T3, sinh năm 1968. Nơi cư trú: TIFFANY TRINH 3136 CANOPY OAK BLVD WILDWOOD FL 34785. Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam: Số D L, phường N, thành phố Cần Thơ.

- Ông Trịnh Long Linh V, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Khu V, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

- Ông Trịnh Long Linh P, sinh năm 1970. Nơi cư trú: A Wellington Park Dr H. Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam: Số D L, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T3, ông V, ông P: Ông Trịnh Long Linh T4, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Số D L, phường N, thành phố Cần Thơ.

- Ông Trịnh Long Linh T4, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Số D L, phường N, thành phố Cần Thơ.

5. Bà La Thị Nguyệt H1, sinh năm 1947. Địa chỉ: F L, phường N, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1: Bà Huỳnh Thị Phương T2, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số D, đường L, phường N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

6. Ông La Trung H2. Địa chỉ: B khu V, phường A, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

7. Ông Trần Minh T5, sinh năm 1966. (Có mặt).

8. Bà Lê Thị Bé B (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số D khu V, phường B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T5, bà B: Ông Phạm Văn T6, sinh năm 1969. Địa chỉ số H, đường X, KDC H, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ.

9. Ông La Hoàng T7, sinh năm 1973. Địa chỉ: D khu V, phường B, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông La Hoàng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T5.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn trình bày:* Cha của ông là La Lai B1, sinh năm 1911, chết năm 2004 và mẹ là bà Trần Thị N, sinh năm 1915, chết năm 2005. Cha mẹ ông có tất cả 07 người con gồm:

1. La Hoàng T8, sinh năm 1933, chết năm 1995. Ông T8 có vợ là bà Trần Thị H3 chết năm 2019, có 02 người con là La Hoàng T và La Hoàng T9, chết năm 2000, ông T9 không có vợ con.

2. La Thị Nguyệt H, sinh năm 1936, chết 2007, bà H có 04 người con là Huỳnh Trung S, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Phương T2, Huỳnh Phương L2.

3. La Thị Nguyệt L1, sinh năm 1939.

4. La Thị Nguyệt M, sinh năm 1944.

5. La Thị Nguyệt H1, sinh năm 1947.

6. La Hoàng H4, sinh năm 1953, chết 2001, ông H4 có 01 người con là La Trung H2.

7. La Hoàng G, sinh năm 1950.

Khi còn sống, cha mẹ ông tạo lập được tài sản là phần đất có diện tích 2.436m², tọa lạc tại địa chỉ D hẻm K, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ. Phần đất này do ông và ông La Hoàng T8 quản lý sử dụng. Năm 1997 ông La Hoàng T8 chết, vợ ông T8 là bà Trương Thị H5 đã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng phần đất trên và được Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00031/QSDĐ vào ngày 22/01/1997, cha mẹ anh chị em trong nhà không ai hay biết sự việc. Khi phát hiện sự việc thì cha ông có đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND tỉnh C giải quyết khiếu nại bằng Quyết định số 1440/QĐ-CT.UB ngày 01/6/2001, nội dung chấp nhận khiếu nại của ông B1: Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00031/QSDĐ vào ngày 22/01/1997 cấp cho hộ bà Trương Thị H5 đối với phần đất tọa lạc tại D, tổ C, khu V, phường B, thành phố Cần Thơ; Việc điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các thành viên gia đình ông La Lai B1 sẽ căn cứ vào sự tự phân chia của ông B1 và các thành viên được phân chia đăng ký quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân phường B. Nay cha mẹ của ông đã chết, các anh chị em của ông không thể tự thỏa thuận phân chia được do vậy ông khởi kiện yêu cầu: Phân chia di sản thừa kế của cha mẹ ông là ông La Lai B1, bà Trần Thị N chết để lại là phần đất có diện tích 2.436m², tọa lạc tại địa chỉ D hẻm K, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ, cho những người thuộc hàng thừa kế của ông B1 và bà N như đã liệt kê trên.

** Bị đơn ông La Hoàng T trình bày:*

Ông là con của ông La Hoàng T8 và bà Trương Thị H5, năm 1975 khi thống nhất đất nước cha mẹ ông được điều từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh công tác. Lúc đó ông nội ông là ông La Lai B1 đã gọi cha mẹ ông về Cần Thơ làm chỗ dựa cho gia đình. Vì vậy cha mẹ ông đã chuyển công tác từ thành phố Hồ Chí Minh đến Cần Thơ sinh sống. Ông nội ông có giao cho cha mẹ ông giấy tờ đất

của gia đình, là phần đất nguyên đơn đang tranh chấp hiện nay, để cha mẹ ông đi đòi lại đất, vì đất này trước đây bị người ta chiếm. Từ tháng 11/1976 thì cha mẹ ông cùng 02 con đã xây dựng nhà trên phần đất này, canh tác và nộp thuế từ năm 1976 đến nay. Năm 1997, sau khi cha ông mất, mẹ ông đứng ra làm giấy tờ đất, trước khi làm giấy tờ, mẹ ông có đến gặp ông nội nói định làm giấy đất thì được ông B1 đồng ý. Tuy nhiên sau khi mẹ ông làm giấy xong thì bà La Thị Nguyệt H là em ruột của cha ông đã làm đơn kiện đến Tòa án. Đến tháng 6/2001 thì Ủy ban nhân dân tỉnh C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông. Tuy nhiên theo ông, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông vẫn có giá trị. Do vậy ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông G, vì ông G chỉ được cha mẹ ông cho ở nhờ và cất nhà trên bờ dừa cạnh nhà với diện tích khoảng 80m².

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông La Hoàng T7 trình bày:* Ông là con của ông La Hoàng T8 và bà Trương Thị H5, em ruột của ông La Hoàng T, ông thống nhất với trình bày của ông T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông La Trung H2 trình bày:* Ông là con của ông La Hoàng H4, ông H4 chết năm 2001. Ông H4 có 01 người con là ông, nay ông cũng thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn là chia di sản thừa kế do ông La Lai B1 để lại cho các đồng thừa kế, ông đồng ý nhận kỷ phần thừa kế theo giá thị trường. Đối với ông Trần Minh T5 đang ở trên đất thì ông yêu cầu ông T5 phải di dời để trả lại phần đất trên cho các đồng thừa kế.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị Nguyệt L1 trình bày:* Bà là con của ông La Lai B1 và bà Trần Thị N, cha mẹ bà có 07 người con như nguyên đơn đã liệt kê. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà cũng thống nhất chia đều theo quy định của pháp luật cho 07 người. Kỷ phần thừa kế bà được nhận, bà tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho ông La Hoàng G. Do điều kiện ở xa nên bà có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị Nguyệt M, La Thị Nguyệt H1 trình bày:* thống nhất chia di sản thừa kế do ông B1, bà N để lại theo pháp luật cho những người hàng thừa kế thứ nhất. Yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị theo giá thị trường. Đối với ông Trần Minh T5 thì yêu cầu ông T5 di dời để trả lại phần đất cho những người được thừa kế.

** Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà La Thị Nguyệt H gồm anh Huỳnh Trung S, Huỳnh Thanh T1, chị Huỳnh Phương T2, Huỳnh Phương L2 thống nhất trình bày:* Yêu cầu chia di sản thừa kế do ông bà ngoại là ông La Lai B1 và bà Trần Thị N để lại theo quy định của pháp luật, yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế mà bà La Thị Nguyệt H được hưởng theo hiện trạng đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T5 có đơn yêu cầu độc lập như sau:* Yêu cầu được sử dụng ổn định phần đất có diện tích theo đó đặc thực tế là 396,8m². Phần đất này trước đây ông La Lai B1 đã cho cha của ông là ông Trần Văn V1 từ năm 1972, tuy nhiên không có giấy tờ cho tặng. Gia đình ông đã sử dụng ổn định từ năm 1972 đến nay, có đóng thuế cho Nhà nước.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự thống nhất về việc phân chia di sản thừa kế do ông La Lai B1 và bà Trần Thị N để lại theo pháp luật.

- Phía nguyên đơn yêu cầu được nhận đất tại vị trí C.
- Phía bà Huỳnh Phương L2 (kỷ phần của bà La Thị Nguyệt H) yêu cầu được nhận thừa kế tại vị trí A.
- Ông La Hoàng T, La Hoàng T7 yêu cầu nhận thừa kế tại vị trí D.
- Phía ông Trần Minh T5 giữ nguyên yêu cầu độc lập về việc được ổn định diện tích đất đang quản lý sử dụng là 396,8m².
- Đối với cây trồng trên đất, các đương sự xác định không tranh chấp, khi phân chia cây trồng ở vị trí đất của người nào thì người đó được quyền sở hữu.

Các đương sự là đồng thừa kế, đều thống nhất ý kiến là không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông T5.

* Sự việc được Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 108/2025/DS-ST, ngày 11 tháng 9 năm 2025, đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 5, khoản 9 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157, Điều 227, 228 và Điều 271 Bộ luật Tổ tụng dân sự.
- Các Điều 612, 613, 650, 651, 652, Bộ luật Dân sự 2015.
- Điều 26, Điều 31 Luật Đất đai năm 2024.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế do ông La Lai B1 và bà Trần Thị N để lại.

1.1. Công nhận cho ông La Hoàng G được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 535,2m² tại vị trí C của bản trích đo địa chính số 07/2025 ngày 15/8/2025, thuộc thửa đất 277, 278 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại phường B, thành phố Cần Thơ.

1.2. Công nhận cho những người thừa kế thế vị của ông La Hoàng T8 là ông La Hoàng T, La Hoàng T7 được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 882,9m² tại vị trí D của bản trích đo địa chính số 07/2025 ngày 15/8/2025, thuộc thửa đất 277, 278 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại phường B, thành phố Cần Thơ.

- Ông La Hoàng T, La Hoàng T7 có nghĩa vụ trả giá trị vượt quá kỷ phần được nhận cho các đồng thừa kế khác, cụ thể:

- + Trả cho bà La Thị Nguyệt M: 2.270.814.000 đồng.
- + Trả cho bà La Thị Nguyệt H1: 2.270.814.000 đồng.

- + Trả cho ông La Hoàng G số tiền: 637.344.000 đồng.
- + Trả cho người thừa kế thế vị của ông La Hoàng H4, ông La Trung H2: 82.314.000 đồng.
- + Trả cho những người kế thừa tổ tụng của bà La Thị Nguyệt H (gồm Huỳnh Trung S, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Phương T2, Huỳnh Phương L2): 82.314.000 đồng.

1.3. Công nhận cho ông Huỳnh Trung S, ông Huỳnh Thanh T1, bà Huỳnh Phương T2, bà Huỳnh Phương L2 (là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bà La Thị Nguyệt H) được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 300m² tại vị trí A của bản trích đo địa chính số 07/2025 ngày 15/8/2025, thuộc thửa đất 277, 278 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại phường B, thành phố Cần Thơ.

1.4 Công nhận cho ông La Trung H2 (người thừa kế thế vị của ông La Hoàng H4) được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 300m² tại vị trí B của bản trích đo địa chính số 07/2025 ngày 15/8/2025, thuộc thửa đất 277, 278 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại phường B, thành phố Cần Thơ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00031 cấp ngày 22/01/1997).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T5:

- Công nhận cho ông Trần Minh T5 được sử dụng ổn định phần đất có diện tích tổng cộng là 396.9m², tại vị trí E và F của bản trích đo địa chính số 07/2025 ngày 15/8/2025, thuộc thửa đất 277, 278 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại phường B, thành phố Cần Thơ.

- Ông T5 có nghĩa vụ phải giao trả giá trị quyền sử dụng đất lại cho 07 người thừa kế của ông La Lai B1, bà Trần Thị N, mỗi người là 301.361.000 đồng, gồm những người có tên sau:

- + Ông La Hoàng G được nhận 02 kỷ phần = 301.361.000 đồng x 2 = 602.722.000 đồng.

- + Ông La Hoàng T và ông La Hoàng T7 (thừa kế thế vị của ông La Hoàng T8)

- + Ông Huỳnh Trung S, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Phương T2, Huỳnh Phương L2 (kế thừa nghĩa vụ tổ tụng của bà La Thị Nguyệt H).

- + Bà La Thị Nguyệt M.

- + Bà La Thị Nguyệt H1.

- + Ông La Trung H2 (thừa kế thế vị của ông La Hoàng H4).

3. Khi các đương sự có nghĩa vụ, thực hiện xong việc giao trả tiền, thì có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được công nhận.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tổ tụng và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 18/9/2025, bị đơn ông La Hoàng T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét công sức gìn giữ tôn tạo đối với thửa đất 276, 277 và ông chỉ đồng ý nhận phần đất gắn liền với căn nhà của ông, không nhận phần đất phía sau nên không đồng ý trả lại giá trị cho các đồng thừa kế.

* Ngày 22/9/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T5 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận phần đất gắn liền với căn nhà cho ông, ông không nhận phần đất phía sau nên không đồng ý trả lại giá trị quyền sử dụng đất.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T5 giữ nguyên kháng cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo của bị đơn và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Ngày 28/5/2026 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị Nguyệt M đã chết và Tòa án cấp phúc thẩm đã người những người con của bà M là bà Trịnh Thị Linh T3, ông Trịnh Long Linh V, ông Trịnh Long Linh P, ông Trịnh Long Linh T4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M có quyền hưởng di sản và phải chịu nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản người chết để lại theo khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trung S, bà La Thị Nguyệt L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Hội

đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người trên.

[4]. Về quan hệ thừa kế các đương sự thống nhất xác định cha của ông, bà là La Lai B1 chết năm 2004 và mẹ là bà Trần Thị N chết năm 2005, có tất cả 07 người con gồm La Hoàng T8, sinh năm 1934, chết năm 1995. Ông T8 có vợ là bà Trần Thị H3 chết năm 2019, có 03 người con là thừa kế thế vị là La Hoàng T, La Hoàng T7 và La Hoàng T9, chết năm 2000, ông T9 không có vợ con. Bà La Thị Nguyệt H, sinh năm 1936, chết 2007, bà H có 04 người con là Huỳnh Trung S, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Thị Phương T2, Huỳnh Thị Phương L2 là người thừa kế của bà H. Bà La Thị Nguyệt L1, sinh năm 1939. Bà La Thị Nguyệt M, sinh năm 1944, chết ngày 28/5/2026, bà M có 04 người con là Trịnh Thị Linh T3, ông Trịnh Long Linh V, ông Trịnh Long Linh P, ông Trịnh Long Linh T4. Bà La Thị Nguyệt H1, sinh năm 1947. Ông La Hoàng H4, sinh năm 1953, chết 2001, ông H4 có 01 người con là La Trung H2. Ông La Hoàng G, sinh năm 1950. Ngoài ra ông B1, bà N không có người con riêng nào khác.

[5]. Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận phần đất số 276, 277 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại phường B, thành phố Cần Thơ, có nguồn gốc là của ông La Lai B1 và bà Trần Thị N. Thừa đất này trước đây đã được Ủy ban nhân dân quận B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00031 cho hộ bà Trương Thị H5 là vợ của ông La Hoàng T8 vào ngày 22/01/1997. Tuy nhiên đã bị thu hồi theo Quyết định số 1440/QĐ-CT.UB ngày 01/6/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C. Trong quá trình giải quyết tại giai đoạn phúc thẩm, Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Cần Thơ có Công văn số 755/UBND ngày 08/5/2026 xác định phần đất có diện tích 2415.0m² thửa đất 277, 278, tờ bản đồ số 44+49, tọa lạc tại phường B, thành phố Cần Thơ (Theo sổ mục kê đất năm 2000 phường B quản lý là thửa số 56, 58, tờ bản đồ số 44 và thửa số 04, tờ bản đồ số 49) chưa có quyết định thu hồi đất và chưa có quyết định hỗ trợ bồi thường của cơ quan có thẩm quyền. Do đó quyền sử dụng đất tại thửa số 276, 277 vẫn là của ông B1 và bà N. Ông B1, bà N trước khi chết không để lại di chúc, tài sản chưa được phân chia. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản này là di sản do ông B1, bà N chết để lại là có căn cứ.

[6]. Xét kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu được hưởng thêm kỷ phần, do có công sức cải tạo gìn giữ di sản. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng mặc dù ông T1 là người trực tiếp quản lý di sản do cha mẹ để lại nhưng trong thời gian quản lý ông đã sử dụng, hưởng lợi từ việc quản lý phần đất do cha mẹ để lại, ngoài ra ông T1 cũng được hưởng di sản nhiều hơn các đồng thừa kế khác và ngoài ông ra thì cũng có những người khác cũng có công sức đóng góp, tôn tạo vào phần đất, từ đó yêu cầu xem xét thêm về công sức đóng góp cho ông là không có căn cứ.

[7]. Đối với kháng cáo không đồng ý nhận phần đất phía sau nhà của ông và không đồng ý trả lại giá trị, thấy rằng theo sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/7/2026 thì bị đơn chỉ đồng ý nhận phần đất ký hiệu D có diện tích 481,5m² gắn liền với căn nhà của ông, đối với phần đất phía sau ký hiệu H có diện tích

401,4m² phía sau phần đất của ông T1 nếu được tách ra để chia thừa kế cho các đương sự thì phần đất sẽ bị mất giá trị, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự còn lại được chia do có vị trí phía sau và xung quanh giáp rạch, do đó Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bị đơn và buộc bị đơn trả lại giá trị là có căn cứ và đúng quy định.

[8]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T5, thấy rằng tại Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu được quy định như sau: *“Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”*. Như vậy việc chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng phải ngay tình, tức là người chiếm hữu không biết hoặc không thể biết việc chiếm hữu tài sản đó là không có căn cứ pháp luật, việc chiếm hữu tài sản được thực hiện trong một thời gian mà không có tranh chấp, thời gian phải là 10 năm đối với động sản và 30 năm đối với bất động sản. Tuy nhiên theo Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó. Trường hợp không có người thừa kế đang quản lý di sản thì di sản được giải quyết như sau:

a) Di sản thuộc quyền sở hữu của người đang chiếm hữu theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật này”.

[9]. Như vậy ông La Bửu L3, chết 2004 và bà Trần Thị N, chết năm 2005, hàng thừa kế thứ nhất và thứ 2 của ông L3 bà N vẫn còn. Tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn là ngày 13/01/2023 là còn trong thời hiệu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản. Mặt khác ông T5 biết rõ phần đất mà mình đang sử dụng là của ông L3, bà N. Từ đó cho thấy rằng việc ông T5 yêu cầu được công nhận phần đất mà không phải trả giá trị là không có căn cứ.

[10]. Đối với kháng cáo về việc không đồng ý nhận phần đất phía sau phần đất ông bà đang sử dụng có diện tích 171,5m², thấy rằng tại sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/7/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C thể hiện vợ chồng ông T5 sử dụng phần đất có ký hiệu là F có diện tích 183,6m² là giáp mặt đường, còn đối với phần đất phía sau ký hiệu E có diện tích 171,5m² lán phía sau phần đất ký hiệu F, nếu không giao cho ông T5 mà giao lại cho gia đình nguyên đơn và bị đơn để chia thừa kế thì phần đất không còn giá trị và cũng không có lỗi đi, do đó Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Trần Minh T5 được sử dụng ổn định phần đất có diện tích tổng cộng là 396.9m², tại vị trí E và F và buộc trả lại giá trị là có căn cứ.

[11]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[12]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Trong giai đoạn phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị Nguyệt M, bà La Thị Nguyệt H1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm cần điều chỉnh lại phân án phí dân sự sơ thẩm.

[14]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

[15]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông La Hoàng T.
- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T5.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2025/DS-ST, ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ và được tuyên lại như sau:
 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế do ông La Lai B1 và bà Trần Thị N để lại.
 - 1.1. Công nhận cho ông La Hoàng G được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 535,2m² tại vị trí C của bản trích đo địa chính số 07/2025 ngày 15/8/2025, thuộc thửa đất 277, 278 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại phường B, thành phố Cần Thơ.
 - 1.2. Công nhận cho những người thừa kế thế vị của ông La Hoàng T8 là ông La Hoàng T, La Hoàng T7 được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 882,9m² tại vị trí D của bản trích đo địa chính số 07/2025 ngày 15/8/2025, thuộc thửa đất 277, 278 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại phường B, thành phố Cần Thơ.
 - Ông La Hoàng T, La Hoàng T7 có nghĩa vụ trả giá trị vượt quá kỷ phần được nhận cho các đồng thừa kế khác, cụ thể:

+ Trả cho bà Trịnh Thị Linh T3, ông Trịnh Long Linh V, ông Trịnh Long Linh P, ông Trịnh Long Linh T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà La Thị Nguyệt M: 2.270.814.000 đồng.

+ Trả cho bà La Thị Nguyệt H1: 2.270.814.000 đồng.

+ Trả cho ông La Hoàng G số tiền: 637.344.000 đồng.

+ Trả cho người thừa kế thế vị của ông La Hoàng H4 là ông La Trung H2: 82.314.000 đồng.

+ Trả cho những người kế thừa tố tụng của bà La Thị Nguyệt H (gồm Huỳnh Trung S, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Thị Phương T2, Huỳnh Thị Phương L2): 82.314.000 đồng.

1.3. Công nhận cho ông Huỳnh Trung S, ông Huỳnh Thanh T1, bà Huỳnh Phương Thị T10, bà Huỳnh Thị Phương L2 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà La Thị Nguyệt H được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 300m² tại vị trí A của bản trích đo địa chính số 07/2025 ngày 15/8/2025, thuộc thửa đất 277, 278 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại phường B, thành phố Cần Thơ.

1.4. Công nhận cho ông La Trung H2 là người thừa kế thế vị của ông La Hoàng H4 được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 300m² tại vị trí B của bản trích đo địa chính số 07/2025 ngày 15/8/2025, thuộc thửa đất 277, 278 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại phường B, thành phố Cần Thơ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00031 cấp ngày 22/01/1997).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T5:

- Công nhận cho ông Trần Minh T5 được sử dụng ổn định phần đất có diện tích tổng cộng là 396.9m², tại vị trí E và F của bản trích đo địa chính số 07/2025 ngày 15/8/2025, thuộc thửa đất 277, 278 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại phường B, thành phố Cần Thơ.

- Buộc ông Nguyễn Minh T11 có nghĩa vụ phải giao trả giá trị quyền sử dụng đất lại cho 07 người thừa kế của ông La Lai B1, bà Trần Thị N, mỗi người là 301.361.000 đồng, gồm những người có tên sau:

+ Ông La Hoàng G được nhận 02 kỷ phần = 301.361.000 đồng x 2 = 602.722.000 đồng.

+ Ông La Hoàng T và ông La Hoàng T7 là thừa kế thế vị của ông La Hoàng T8.

+ Ông Huỳnh Trung S, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Phương T10, Huỳnh Phương L2 (kế thừa nghĩa vụ tố tụng của bà La Thị Nguyệt H).

+ Bà Trịnh Thị Linh T3, ông Trịnh Long Linh V, ông Trịnh Long Linh P, ông Trịnh Long Linh T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà La Thị Nguyệt M.

+ Bà La Thị Nguyệt H1.

+ Ông La Trung H2 (thừa kế thế vị của ông La Hoàng H4).

- Khi các đương sự có nghĩa vụ, thực hiện xong việc giao trả tiền, thì có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được công nhận.

3. Chi phí đo đạc thẩm định, định giá: Mỗi kỷ phần thừa kế như đã nêu trên và ông Trần Minh T5 có nghĩa vụ phải trả cho ông La Hoàng G 5.375.000 đồng (riêng bà La Thị Nguyệt L1 không phải trả)

4. Án phí dân sự sơ thẩm

+ Ông La Hoàng T, La Hoàng T7 phải chịu: 83.443.500 đồng.

+ Ông La Trung H2 phải chịu: 83.443.500 đồng.

+ Bà Trịnh Thị Linh T3, ông Trịnh Long Linh V, ông Trịnh Long Linh P, ông Trịnh Long Linh T4 là người kết thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà La Thị Nguyệt M được miễn án phí.

+ Bà La Thị Nguyệt H1 được miễn án phí.

+ Bà La Thị Nguyệt L1 không phải chịu án phí.

+ Ông Huỳnh Trung S, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Phương T10, Huỳnh Phương L2 cùng phải chịu: 83.443.500 đồng.

+ Ông Trần Minh T5 phải chịu 74.190.605 đồng. Khấu trừ 5.987.050 đồng ông T5 đã nộp theo biên lai thu số 0002890 ngày 06/8/2024 thành án phí, ông T5 còn phải nộp thêm 68.203.555 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cần Thơ (tên trước đây là Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ).

5. Về chi phí thẩm định tại giai đoạn phúc thẩm là 3.400.000 đồng, ông Trần Minh T5 phải chịu và ông đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bị đơn ông La Hoàng T phải chịu 300.000 đồng, phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003274 ngày 18/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T5 phải chịu 300.000 đồng, phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003552 ngày 24/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

7. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 2- Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 2-Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 2-Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, TDS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Định